

PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TỪ CÁC NGÔI MIẾU CỦA NGƯỜI HOA Ở TIỂU VÙNG SÔNG MÊ KÔNG

TS. Đặng Hoàng Lan

Trường Đại học Văn Hóa TP.HCM

Dẫn nhập

Tiểu vùng sông Mê Kông là vùng đất cuối cùng của tổ quốc, nằm về phương Nam, là nơi cộng cư của 4 tộc người Việt, Chăm, Hoa, Khmer. Quá trình cộng cư lâu đời đã đưa đến mối quan hệ giao lưu văn hóa.

Là một khu vực lịch sử - văn hóa, tiểu vùng sông Mê Kông, qua các công trình nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng cư dân vừa kể trên rất đậm nét. Đặc biệt, trên lĩnh vực tín ngưỡng-tôn giáo, đã tồn tại nhiều hình thức thờ cúng phong phú, đa dạng.

Hiện tượng này đã làm cho tiểu vùng sông Mê Kông trở nên đa dạng về văn hóa, phong phú về các loại hình du lịch : du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề..

Trong giới hạn của một tham luận, chúng tôi hi vọng qua đây, nêu lên một góc nhìn từ du lịch văn hóa, giới thiệu những nét độc đáo của văn hóa người Hoa, nhìn từ kiến trúc, mỹ thuật, lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng thuộc tiểu vùng sông Mê Kông và trên cơ sở của các đặc trưng này, gợi mở một số đề xuất nhằm phát triển du lịch thời gian tới.

1. Những đặc trưng văn hóa tại các ngôi miếu của người Hoa

Nói đến tộc người Hoa là nói đến sự đa dạng trong ngôn ngữ, là những nét độc đáo, đặc thù trong văn hóa của từng nhóm phương ngữ. Người Hoa có 5 nhóm phương ngữ : Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hải Nam và Hẹ. Vì vậy, khi đến định cư tại Việt Nam, đặc biệt là tại Nam bộ, những đặc trưng này lại nổi rõ hơn, chính từ điều kiện, môi trường sông nước của tiểu vùng sông Mê Kông.

1.1 Về kiến trúc

Mỗi nhóm Hoa có nét riêng khi xây dựng cơ sở thờ tự. Nếu như nhóm Hoa Phúc Kiến xây dựng miếu thờ nam thần, nữ thần với mái miếu hình thuyền, hai đầu đao vút cong, thì mái miếu của nhóm Hoa Quảng Đông lại trang trí khá nhiều quần thể tiêu tượng gốm. Mái miếu của nhóm Hoa Hải Nam, Triều Châu, Hẹ ít mang nét đặc trưng hơn, vì mái miếu thường có dạng ngang bằng, gian giữa cũng thường nhô cao hơn hai gian bên, vì là nơi thờ tự thần linh, còn hai gian bên là trường học và hội quán, được thiết kế thấp hơn, để tỏ lòng kính ngưỡng thần linh được đặt thờ bên trong.



Vị trí xây dựng miếu Hoa ở tiểu vùng sông Mê Kông thường là ở ngã ba sông, hoặc bên bờ sông. Điều này cho thấy rõ nhân sinh quan của người Hoa đối với vấn đề cư trú và nơi dựng cơ sở tâm linh. Đồng thời cũng cho thấy thể mạnh của người Hoa là buôn bán, vì vậy, họ thường định cư tại những nơi thị trấn, thị tứ. Mặt miếu hướng ra sông, rạch là thể đất có phong thủy tốt. Chính vì vậy mà, tại thành phố, nếu như không gần sông rạch, người Hoa sẽ đào hồ trước sân miếu để lấy thể đất phong thủy tốt. Vì nơi phía trước miếu có ao hồ, sông rạch là địa thế âm, kết hợp với thể đất cao nơi xây dựng miếu là thể đất dương, tạo cho vị trí ấy trở thành nơi có phong thủy tốt, nơi có âm dương tương hội.

Nếu như trước đây, vào những ngày đầu mới nhập cư và định cư, người Hoa kiến trúc miếu bằng vật liệu chuyên chở từ Trung Quốc sang, thì những năm sau này, khi đã định cư tại vùng đất phương Nam, khi họ đã lập nghiệp và kết hôn với người Việt, thì các vật liệu trang trí trên mái miếu, trong

miếu cũng đã được sản xuất tại Việt Nam, từ những lò gốm ở Sài Gòn như lò Bửu Nguyên, Đồng Hòa, Đào Xương... tên lò gốm còn thấy khắc trên mái miếu tại tỉnh Vĩnh Long, tại TP. Hồ Chí Minh.

1.2 Về tượng thờ

Nếu như người Hoa có đặc trưng là thờ tự rất nhiều thần linh, để nhằm nhận được nhiều sự bảo hộ, do vậy, tượng thờ trong miếu cũng rất đa dạng về quy mô, kích cỡ, về chất liệu và về số lượng trong một trang thờ, chỉ với một vị thần. Khi đến tham quan miếu của người Hoa Triều Châu ở Cà Mau, Bạc Liêu, cho thấy nhóm Hoa này có xu hướng thờ cặp đôi, tại trang thờ Ông Bồn, có cả tượng Bà Bồn. Hiện tượng này không thấy có ở các miếu thuộc nhóm Hoa Phúc Kiến và các nhóm còn lại.

Về quy mô, nếu như các pho tượng cổ, có từ khi mới dựng miếu, nhiều khả năng tượng đã được đưa từ Trung Quốc sang, và thường là chất liệu gỗ quý. Vì vậy, kích thước tượng khá nhỏ nhắn, cao nhất có khi chỉ là 40cm. Nhưng thời gian sau, khi tượng cổ đã hư, mục, hoặc khi ngôi miếu được trùng tu rộng lớn hơn, pho tượng cũ tỏ ra không cân xứng với kiến trúc trải rộng của ngôi miếu mới, người Hoa sẽ đặt thờ pho tượng mới, có kích thước to lớn hơn, thường là cao gần một mét.

Ngoài ra, do yêu cầu phục vụ lễ vía Ông, vía Bà hàng năm, trong một trang thờ, người Hoa sẽ đặt 2-3 pho tượng của cùng một vị thần linh, nhưng có kích thước lớn nhỏ khác nhau. Pho tượng có kích thước nhỏ

sẽ được dành đặt lên kiệu, đưa Bà /Ông đi diễu hành trong ngày vía.

1.3 Về lễ hội

Lễ hội là ngày quan trọng, là thời gian diễn ra nhiều đặc trưng văn hóa của từng nhóm phương ngữ Hoa. Về đại thể, cách tiến hành, quy trình lễ hội của từng nhóm Hóa có giống nhau, nhưng khác biệt cơ bản chính là lễ vật dâng cúng, là ngôn ngữ xướng lên khi cúng, là những hoạt động văn nghệ trong lễ hội. Chỉ cần nhìn qua lễ vật, cũng có thể đoán biết miếu này thuộc nhóm Hoa nào. Lễ vật cúng thần linh của người Hoa rất phong phú. Ở tiểu vùng sông Mê Kông, trong các ngôi miếu Hoa, vẫn còn lưu lại những phong tục quy định trong ngày vía như phải có *ngũ sanh*, tức 5 con vật dâng cúng: gồm gà, vịt, cua, tôm, cá; phải có *ngũ quả*, trong đó đặc biệt là phải có quýt, vì nó tượng trưng cho sự tốt lành, may mắn (kiết tường). Như trường hợp tại miếu Thiên Hậu ở Sông Đốc, H.Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, lễ vật lúc nào cũng có chè ý màu đỏ, bánh lá liễu..vì là ngôi miếu của nhóm Hoa Triều Châu. Trong khi nhóm Hoa Quảng Đông thường có bánh bò ỏ lớn và nhỏ, được gọi là *phá cú*, vì nó tượng trưng cho sự sinh sôi, phát triển⁸.

Trong lễ hội lúc nào cũng có văn nghệ. Nếu như trước năm 1975, mỗi miếu đều có tổ chức văn nghệ trong sân miếu, nội dung có khác biệt tùy từng nhóm Hoa. Hiện nay, tuy các tiết mục có đơn giản bớt, vì kinh phí

mời đoàn hát khá cao và số diễn viên có giảm sút, nhưng vẫn còn giữ lại một số nét đặc trưng, như nhóm Hoa Quảng Đông chuộng múa lân, nhóm Triều Châu chuộng múa sư, nhóm Phúc Kiến chuộng múa rồng. Tuy nhiên trong ngày vía, nhóm Hoa Triều Châu cũng không biểu diễn múa sư tử, vì họ cho rằng sự nhào lộn, nhảy nhót quá nhiều khi diễn xướng màn múa này sẽ không được tốt đẹp và không nghiêm túc đối với thần linh.

Tại khu vực sống cộng cư của người Hoa và người Khmer, lễ vía Bà Thiên Hậu có mời đoàn Dù Kê về biểu diễn tại SalaTen gần miếu, như trường hợp ở Thiên Hậu Thánh mẫu cung (xã An Hiệp, H. Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng)⁹. Trong chương trình hát Dù Kê có xen vào vài bản tân nhạc Việt.

Tại miếu Hoa ở Vũng Thơm, tỉnh Sóc Trăng, lễ vật dâng cúng lúc nào cũng phải có bánh pía và mè láo, vì đây là địa điểm sản xuất 2 loại bánh nổi tiếng này của người Hoa tại tiểu vùng sông Mê Kông.

2. Khai thác giá trị văn hóa từ các ngôi miếu của người Hoa vào phát triển du lịch

Du lịch Việt Nam đang ngày càng có chỗ đứng trên thế giới và thu hút ngày càng đông khách du lịch với các loại hình du lịch đa dạng, hấp dẫn, trong đó du lịch văn hóa ngày càng được du khách trong và ngoài nước chú ý.

Du lịch văn hóa (cultural tourism) là loại hình du lịch mà điểm đến là các địa chỉ

⁸ Trần Hồng Liên (2015) Thiết chế văn hóa tâm linh qua tục thờ Thiên Hậu của người Hoa ở Tây Nam bộ. Truyền thống & Biến đổi. Tham luận hội thảo khoa học “*Tín ngưỡng Thiên hậu vùng Tây Nam bộ*”. Trường ĐH.KHXH&NV-Sở VH TT&DL Kiên Giang tổ chức tháng 4/2015. Tr.32

⁹ Trần Hồng Liên (2015) tư liệu đã dẫn, tr.32.

văn hóa¹⁰. Tại một số nước thuộc khu vực Đông Nam Á gọi chung du lịch văn hóa vào loại hình du lịch sinh thái (ecotourism). Du lịch văn hóa hay du lịch sinh thái là một loại hình du lịch mà việc quy hoạch, lập trình, thiết kế tour có chú ý đến cảnh quang môi trường văn hóa, môi trường sinh thái. Do sinh cảnh môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái ở nước ta đa dạng và phức hợp mà đặc điểm du lịch ở Việt Nam, đi tham quan thắng cảnh thiên nhiên cũng đồng thời là tham quan di tích-văn hóa-lịch sử.¹¹

Du lịch văn hóa tức là nội dung văn hóa do du lịch – hiện tượng xã hội độc đáo này thể hiện ra, là văn hóa do du khách và người làm công tác du lịch tích lũy và sáng tạo ra trong hoạt động du lịch¹².

Trước nay, ít công ty du lịch xem chùa/miếu là điểm tham quan du lịch văn hóa. Họ chỉ xem chùa/miếu là nơi thờ cúng hơn là điểm đến để thưởng ngoạn, tham quan. Các công ty du lịch, một phần do chưa chú trọng đến vai trò, vị trí của ngôi chùa/miếu/thánh đường, một phần do chưa nắm vững lịch sử, văn hóa, kiến trúc của ngôi chùa/miếu/thánh đường, đặc biệt là của các dân tộc Hoa, Khmer, Chăm, vì vậy chưa phát huy hết giá trị văn hóa của các dân tộc vào du lịch, do đó chưa thể hướng dẫn du khách, nhất là các chương trình du lịch

chuyên sâu như du lịch tâm linh, du lịch văn hóa tại tiểu vùng sông Mê Kông.

Tình trạng trên đã dẫn đến nhiều điều đáng tiếc. Du khách đến chùa/miếu tự đi tham quan, không theo một trật tự, thứ lớp gì cả. Khi đến miếu của người Hoa, ai muốn xem gì xem, tự hiểu lấy. Một số công ty chưa chủ động đào tạo hướng dẫn viên du lịch một cách bài bản, nên đưa đến việc người tham quan chưa thấy hết cái hay, cái đẹp từ trong các cơ sở tín ngưỡng này.

Vì không xem ngôi chùa/miếu là nơi tham quan du lịch lý tưởng và có sức thu hút du khách, nên tuyến du lịch hành hương Phật giáo, tuyến du lịch văn hóa, mặc dù ra đời từ lâu nhưng vẫn chưa định hình và phát triển tốt được..

Để có thể đưa tuyến du lịch văn hóa đạt yêu cầu giới thiệu, trao truyền cho du khách cái hay, cái đẹp từ di tích, cần thực hiện một số giải pháp sau :

2.1 Trước hết, là giải pháp thị trường: Cần củng cố và mở rộng khai thác có hiệu quả những thị trường du lịch hiện có. Triển khai phát triển thị trường nội địa trọng điểm, hướng tới thị trường quốc tế tiềm năng.

Ngoài ra, cũng cần xác định đâu là thị trường mục tiêu và đâu là thị trường tiềm

¹⁰ Trần Diễm Thúy 2010 *Văn hóa du lịch*, Nxb Văn hóa Thông tin, tr. 27.

¹¹ Trần Diễm Thúy 2010 *Văn hóa du lịch*, Nxb Văn hóa Thông tin, tr. 21.

3. Trần Văn Thông (2002), *Tổng quan du lịch*, Nxb Giáo Dục, tr. 30-31.

năng để có những chính sách phát triển, tiếp thị phù hợp.

2.2 Hoàn thiện sản phẩm du lịch

Tạo điều kiện cho du khách đi đến các điểm du lịch một cách dễ dàng, thuận lợi, đặc biệt là vào mùa lễ hội cũng là một cách phát triển.

Cần có biện pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch văn hóa, đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng cường hợp tác các dịch vụ, hàng hóa trong du lịch với các tuyến du lịch. Từ đó, nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ khách.

Cần tạo ra những chương trình du lịch văn hóa độc đáo, luôn làm mới các chương trình này nhằm đáp ứng nhu cầu khách du lịch.

Có sự liên kết giữa các chùa/miếu, các tổ chức du lịch giữa các tỉnh nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất trong việc khai thác tuyến du lịch này. Đảm bảo chương trình mỗi năm mỗi thay đổi, mới mẻ hơn, phong phú hơn và ngày càng hoàn thiện hơn. Kết hợp với các tuyến du lịch khác nhằm tạo sự phong phú, đa dạng cho nội dung du lịch, trong đó kết hợp với du lịch lễ hội, cho du khách tham dự lễ Vía Bà Thiên Hậu, lễ Vía Quan Thánh, 4 lễ vía Ông Bồn ở huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Cần tập trung vào đầu tư các dự án trọng điểm của mỗi vùng để làm tăng khả năng cung ứng về lượng và chất của sản phẩm du lịch văn hóa, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

2.3 Giải pháp về việc phát triển nguồn nhân lực du lịch

Cần hình thành các cơ sở đào tạo về du lịch văn hóa, du lịch hành hương tại các tỉnh, thành phố thuộc tiểu vùng sông Mê Kông, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chuyên hướng dẫn các tuyến du lịch văn hóa, du lịch hành hương đang rất thiếu hiện nay. Nhân lực du lịch không những có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, mà còn phải có "tâm" với nghề, tránh vì lợi ích cá nhân mà làm mất đi ý nghĩa của chuyến du lịch, bởi đây là một loại hình du lịch nghiêng về tín ngưỡng-tôn giáo, phụ thuộc nhiều vào lòng tin của con người.

Về phía các công ty du lịch, chủ động mở thường xuyên các lớp tập huấn, nâng cao kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch, tổ chức lớp học, trong đó mời chuyên gia về Dân tộc học, chuyên gia Văn hoá học đến trao truyền kiến thức, đặc biệt là những người am hiểu khá sâu về thực tế của tiểu vùng sông Mê Kông. Đây là những lớp học tăng cường kiến thức nền tảng. Ngoài ra, còn cần trang bị cho hướng dẫn viên du lịch những kiến thức chuyên sâu về văn hóa của từng tộc người thuộc tiểu vùng sông Mê Kông.

-Đối với tộc người Hoa, cần trang bị cho hướng dẫn viên du lịch kiến thức chuyên sâu về quá trình nhập cư, định cư của nhóm người từ Trung Quốc sang Việt Nam, và nhất là sự chuyển biến của nhóm người này từ kiều dân thành công dân Việt Nam.

- Để khai thác giá trị văn hóa từ các ngôi miếu của người Hoa vào phát triển du lịch, hướng dẫn viên du lịch cần có kiến thức chuyên sâu về kiến trúc của các cơ sở tín ngưỡng thuộc từng nhóm phương ngữ, có vốn kiến thức về ẩm thực Hoa và về văn hóa-nghệ thuật của người Hoa nói chung, và riêng từng nhóm phương ngữ tại tiểu vùng sông Mê Kông. Hướng dẫn viên du lịch cũng cần giới thiệu thêm về những loại bánh, trái cây được người Hoa dâng cúng thần linh, ý nghĩa và giá trị văn hóa của các loại bánh trái này, nó nói lên khát vọng gì của người dâng cúng?

Bên cạnh đó, một số quốc gia lân cận của Việt Nam như Thái Lan, Trung Quốc...là những nước phát triển khá mạnh về du lịch hành hương mà ta có thể học hỏi. Việc đưa nhân lực sang các nước bạn để học tập kiến thức, kinh nghiệm không phải là mới, nhưng đối với ngành du lịch nói chung

và du lịch văn hóa nói riêng thì vẫn còn khá xa lạ.

2.4 *Thúc đẩy công tác bảo tồn – bảo tàng*

Đây là biện pháp không thể thiếu, vì nó góp phần duy trì sự tồn tại về mặt văn hóa vật thể và phi vật thể của các ngôi chùa/miếu. Công tác bảo tồn từ cấp thấp như người quản lý chùa/miếu, từng người dân sinh sống xung quanh, khách du lịch, cho đến các cấp cao hơn, như chính quyền địa phương, Ban Quản lý di tích, Sở Văn hoá Thể thao và du lịch và các ban ngành phối hợp để trùng tu, phục dựng di tích một cách đồng bộ, mà vẫn giữ được nét kiến trúc truyền thống.

2.5 *Hạn chế việc thần thánh hóa hoạt động du lịch văn hóa/du lịch hành hương*

Có thể nói, du lịch văn hóa và du lịch hành hương là vấn đề nóng bỏng, nếu không có định hướng đúng đắn, sẽ dễ gây biến tướng.

Thực tế cho thấy, hoạt động “buôn thần bán thánh” đang diễn ra ngày càng phức tạp. Vì vậy, chính quyền cần có biện pháp quản lý hiệu quả và phù hợp để hướng người dân và khách du lịch cùng

nhận thức rõ sự khác nhau giữa du lịch văn hóa, du lịch hành hương và thần thánh hóa hoạt động du lịch, để không xảy ra tình trạng mê tín dị đoan và du lịch văn hóa không mất đi ý nghĩa.

Chùa/miếu là nơi thiêng liêng và có ý nghĩa văn hóa tâm linh sâu sắc, trong chương trình du lịch cần cần trọng và nhắc nhở du khách về trang phục và ý thức giữ gìn cảnh quan môi trường tại các điểm du lịch này..

Kết luận

Qua việc nêu lên các giá trị văn hóa của người Hoa, nhìn từ kiến trúc, mỹ thuật, lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng thuộc tiểu vùng sông Mê Kông và một số giải pháp nhằm góp phần phát triển du lịch văn hóa thời gian tới, cho thấy văn hóa của từng tộc người ở tiểu vùng sông Mê Kông rất phong phú. Việc chọn văn hóa tín ngưỡng của người Hoa chỉ là một điển hình. Trong phát triển du lịch, cần có sự phối hợp giữa các điểm, các tuyến để việc tham quan của du

khách được phong phú, kiến thức tổng hợp về văn hóa của tiểu vùng sông Mê Kông, từ văn hóa của dân tộc Việt, Hoa, Khmer đến Chăm cũng sẽ được kết nối, để tạo nên tuyến du lịch văn hóa đa dạng. Từ cách thực hiện trên, việc phát triển du lịch sẽ từng bước được nâng lên và tạo điều kiện cho sự phát triển du lịch bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hồng Liên (2015) *Thiết chế văn hóa tâm linh qua tục thờ Thiên Hậu của người Hoa ở Tây Nam bộ. Truyền thống &Biến đổi*. Tham luận hội thảo khoa học “Tín ngưỡng Thiên hậu vùng Tây Nam bộ”. Trường ĐH.KHXH&NV-Sở VH TT&DL Kiên Giang, tổ chức tháng 4/2015.
2. Trần Văn Thông (2002), *Tổng quan du lịch*, Nxb Giáo Dục.
3. Trần Diễm Thúy 2010 *Văn hóa du lịch*. Nxb Văn hóa Thông tin

Bất bình đẳng giới và nghèo đa chiều trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay

ThS. Nguyễn Thị Thuận¹³

Ths. Lò Thị Vân Anh¹⁴

Lâm Đồng là một tỉnh đa dân tộc. Ngoài dân tộc Kinh còn có các dân tộc thiểu

1. **Cộng đồng dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng**